

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2020/DS-PT;
Ngày: 22/12/2020;
V/v tranh chấp “Hợp đồng thuê
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan;
Bà Lê Thị Hồng Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 231/2020/DS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 565/2020/QĐXX-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Điều Thị C, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1980;

2.2. Anh Đinh Hữu T, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Quốc H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn bà Điều Thị C;

4.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đinh Quốc H.

(Có mặt bà Điều Thị C, chị Phạm Thị Mỹ D,
anh Đinh Hữu T, Ông Đinh Quốc H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn bà Điều Thị C trình bày:*

Bà Điều Thị C và ông Đinh Quốc H là vợ chồng, có tài sản chung là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.975,1m² tại Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/02/2011.

Ngày 30/4/2019, ông H có làm giấy tay cho anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D thuê trồng hoa màu trong thời hạn từ 30/4/2019 đến 30/4/2029 là 10 năm với số tiền 50.000.000 đồng. Anh T đã thanh toán cho ông H 30.000.000 đồng nên còn nợ 20.000.000 đồng, anh T hứa tháng 6/2019 sẽ thanh toán số tiền thuê đất còn lại.

Ông H làm hợp đồng thuê đất không thông qua ý kiến của bà C, khi bà C về thăm ruộng thì phát hiện anh T thuê xe Kobe xúc đất ruộng để chở đi và chặt phá dừa, mít và các cây trồng khác mà không thông qua ý kiến của bà C.

Ngày 17/5/2019, bà C phát hiện việc ông H cho vợ chồng chị D thuê đất và vợ chồng chị D đang thuê Kobe xúc đất chở đi thì bà C có báo đến chính quyền địa phương nhưng không có lập biên bản về số cây trồng của bà C đã bị chặt vì vợ chồng chị D đã chặt và chôn những cây trên và chở đất mặt kênh, mặt ruộng của bà C về nhà anh T, chị D.

Trước đây phần đất ruộng của bà C đã được lên 18 líp trồng hoa màu gồm ớt, gừng là líp cao nên bà C có trồng dừa.

Bà Điều Thị C yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30/4/2019 giữa ông Đinh Quốc H và anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.975,1m² tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Buộc anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D bồi thường thiệt hại đối với phần đất chở đi và các cây trồng trên đất là 71.200.000 đồng cụ thể như sau: đất mặt kênh, mặt ruộng là 7.000.000 đồng; 20 cây dừa 20 năm tuổi 20.000.000 đồng; 85 cây dừa 05 năm tuổi 42.000.000 đồng; 18 cây mít thái 05 năm tuổi 900.000 đồng; 01 cây me 26 năm tuổi 1.000.000 đồng; 26 cây chuối sứ 300.000 đồng.

- *Bị đơn anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D trình bày:*

Anh chị thống nhất cùng lời trình bày của bà C về việc anh chị có thuê đất của ông H. Ông H đã đồng ý cho vợ chồng anh T, chị D san lấp phần ruộng thuê để trồng dừa và cây trồng khác là được sự đồng ý của ông H, cũng như ông H thừa nhận tại biên bản hoà giải ngày 27/6/2019 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C nên vợ chồng anh T, chị D mới san lấp, cải tạo đất; ông H đồng ý cho vợ chồng chị D chặt bỏ cây trồng trên đất của ông H để cho vợ chồng chị D trồng dừa và các loại cây trồng khác. Như lời trình bày của bà C về số lượng cây chặt bỏ là không chính xác.

Việc vợ chồng chị D có chở một số đất đi nơi khác là do phần đất thuê của ông H là đất ruộng có một bờ kênh cao nên khi san lấp mặt bằng cần trang đất ra

và xúc đất từ con kênh để trang đều ruộng và lên líp trồng cây cho phù hợp và ông H biết sự việc trên và không kiến gì;

Anh chị đồng ý huỷ hợp đồng thuê đất giữa anh chị và ông H; ông Đinh Quốc H phải trả lại cho bị đơn số tiền thuê đất 30.000.000 đồng; tiền thuê Kobe cải tạo đất là 28.000.000 đồng; giá trị cây trồng trên đất gồm: 69 cây dừa, thành tiền là 36.915.000 đồng; 35 cây bưởi da xanh, thành tiền 4.900.000 đồng; 1.200m² đất trồng cây dương, thành tiền 6.240.000 đồng; 400m² đất trồng cây quế, thành tiền 4.000.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 07/8/2020);

Không đồng ý bồi thường cây trồng như yêu cầu của bà C;

Anh chị đồng ý trả cho ông H 7.000.000 đồng số đất mà anh chị đã chở đi trên mặt kênh và sẽ giao trả đất cho ông H vào ngày 17/9/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đinh Quốc H trình bày:*

Ông thống nhất cùng lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn;

Ông H đồng ý trả giá trị cây trồng là 69 cây dừa theo biên bản định giá ngày 10/01/2020, thành tiền là 9.798.000 đồng; đồng ý trả 25.000.000 đồng cho anh T, chị D với lý do anh T, chị D đã thuê đất 01 năm là 5.000.000 đồng;

Ông thống nhất giao đất cho anh T chặt phá cây trồng trên đất nhưng không có hứa để anh T lấy đất chở đi nơi khác. Trong thời gian san lấp vợ ông là bà C phát hiện anh T chở đất đi nơi khác nên bà C không thống nhất làm đơn yêu cầu giải quyết. Riêng ông H mong muốn cuộc hòa giải này hai bên bàn bạc cho ổn thỏa;

Ông H vẫn tiếp tục cho anh Đinh Hữu T thuê đất và đồng ý nhận thêm 5 triệu đồng từ tiền đất mà anh T đã chở đi.

Ngày 30/4/2019, ông H có cho anh Đinh Hữu T thuê thửa đất số 12 tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thời gian thuê là 10 năm, hợp đồng thuê là trồng hoa màu, trong hợp đồng không có cho chở đất về nhà và chặt dừa, mít. Anh T, chị D đã làm sai hợp đồng nên yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng các điều 472, 422, 427, 500, 468, 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 92, 147, 220, 227, 228, 235, 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự; các Điều 166, 167, 188 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị C về việc huỷ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc huỷ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30/4/2019 giữa ông Đinh Quốc H và anh Đinh Hữu T.

Anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản trên đất theo biên bản định giá ngày 07/8/2020 và trả lại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11,

diện tích 1.975,1m² tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho ông Đinh Quốc H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị C về việc bồi thường thiệt hại đối với phần đất chở đi và các cây trồng trên đất với số tiền 71.200.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D:

Buộc ông Đinh Quốc H có nghĩa vụ trả cho anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D số tiền cải tạo đất và cây trồng trên đất như sau:

Tiền thuê Kobe cải tạo đất là 28.000.000 đồng; Giá trị cây trồng trên đất gồm: 69 cây dừa, thành tiền là 36.915.000 đồng; 35 cây bưởi da xanh, thành tiền 4.900.000 đồng; 1.200m² đất trồng cây dương, thành tiền 6.240.000 đồng; 400m² đất trồng cây quế, thành tiền 4.000.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 07/8/2020). Tổng cộng 80.055.000 đồng (tám mươi triệu, năm mươi lăm ngàn đồng).

Buộc ông Đinh Quốc H có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Mỹ D, anh Đinh Hữu T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

Kể từ ngày anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đinh Quốc H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T, chị D trả cho ông H số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Kể từ ngày ông Đinh Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Thời gian thực hiện giao nhận tiền, giao trả đất và toàn bộ tài sản trên đất khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 08 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn bà Điều Thị C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc anh T, chị D trả cho bà giá trị cây trồng mà bị đơn đã đồn trên đất của bà với số tiền là 64.200.000 đồng.

- Ngày 08 tháng 9 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quốc H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông không đồng ý bồi thường cho chị D, anh T tiền thuê Kobe cải tạo đất 28.000.000 đồng, giá trị 69 cây dừa là 36.915.000 đồng, 35 cây bưởi da xanh 4.900.000 đồng, tiền bồi thường cây dương, quế 10.240.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Điều Thị C có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho bà:

+ 20 cây dừa 20 năm tuổi:	20.000.000 đồng;
+ 08 cây dừa 5 năm tuổi:	42.000.000 đồng;
+ 15 cây mít Thái 5 năm tuổi:	900.000 đồng;
+ 01 cây me 26 năm tuổi:	1.000.000 đồng;
+ 26 cây chuối:	300.000 đồng;
Tổng cộng:	64.200.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Quốc H và các bị đơn anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D thỏa thuận được với nhau về các vấn đề sau:

+ Giảm tiền thuê Kobe cải tạo đất:	3.000.000 đồng;
+ Khấu trừ 03 cây dừa bị chết:	1.605.000 đồng;
+ Không yêu cầu bồi thường cây dương, cây quế:	10.240.000 đồng.
Tổng cộng:	14.845.000 đồng.

Đồng thời có ý kiến bổ sung yêu cầu kháng cáo, đề nghị các bị đơn khấu trừ 2.500.000 đồng tương ứng với thời gian 06 tháng tiền thuê đất và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không bồi thường giá trị cây bưởi da xanh.

- Các bị đơn anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C và ý kiến của ông H tại phiên tòa phúc thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét kháng cáo của bà C và ông H là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, giữa ông H với các bị đơn đã thỏa thuận được với nhau một phần nội dung tranh chấp, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận nội dung mà các bên đương sự thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời trình bày của các bên đương sự, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Ngày 30/4/2019, ông Đinh Quốc H ký hợp đồng cho anh Đinh Hữu T thuê thửa đất số 12, tờ bản đồ 11, diện tích 1.975,1m², tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 50.000.000 đồng, thời hạn 10 năm. Sau khi ký hợp đồng, ông H đã giao đất cho anh T, anh T đã thanh toán 30.000.000 đồng và các bên thỏa thuận 02 tháng sau sẽ thanh toán số tiền 20.000.000 đồng còn lại. Ngày 17/5/2019, bà Điều Thị C (vợ ông H) phát hiện vợ chồng anh T, chị D chặt phá cây trồng để cải tạo lại đất, nên phát sinh tranh chấp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà C và ông H, nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà C: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông H thừa nhận cho các bị đơn thuê đất để cải tạo trồng hoa màu. Tại biên bản hòa giải do Ủy ban nhân dân xã A lập ngày 27/6/2019 (BL: 12), ông H thừa nhận: *“Tôi thống nhất giao đất và cho anh T chặt phá cây trên đất để cải tạo lại đất”*. Như vậy, việc các bị đơn chặt phá cây trồng trên phần diện tích đất thuê là để cải tạo lại mục đích sử dụng, có sự đồng ý của ông H – người trực tiếp ký kết hợp đồng cho thuê đất, nên các bị đơn không có lỗi. Do đó, bà C khởi kiện và kháng cáo yêu cầu buộc các bị đơn bồi thường cho bà giá trị cây trồng mà các bị đơn đã chặt phá là không có căn cứ.

Xét ngoài các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, bà C không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Do đó, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hùng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H với các bị đơn (anh T, chị D) thỏa thuận với nhau về nội dung: Không yêu cầu ông H bồi hoàn giá trị cây Dương 6.240.000 đồng, cây Quế 4.000.000 đồng, giảm 3.000.000 đồng chi phí thuê Kobe (còn lại 25.000.000 đồng) và khấu trừ giá trị 03 cây dừa mới bị chết 1.605.000 đồng, tổng cộng là 14.845.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận giữa ông H với các bị đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của ông H cho rằng, đơn giá cây bưởi da xanh theo biên bản định giá là cao hơn giá trị thực tế, cây có thể di dời được, nên ông không đồng ý bồi thường cho các bị đơn.

Xét ý kiến của ông H không đồng ý kết quả định giá, nhưng không yêu cầu thẩm định lại giá, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Mặt khác, ông H cũng thừa nhận, cây bưởi da xanh là loại cây khó chăm sóc, dễ chết. Vì thế, yêu cầu buộc phải di dời sẽ gây thiệt hại đến quyền lợi của các bị đơn, nên không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu đề nghị khấu trừ 06 tháng tiền thuê đất, thành tiền 2.500.000 đồng là vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Xét bà C, ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bà C, ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Điều Thị C và ông Đinh Quốc H; Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D với ông Đinh Quốc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 231/2020/DSST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng các điều 472, 422, 427, 500, 468, 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 92, 147, 220, 227, 228, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân Sự; các Điều 166, 167, 188 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị C về việc hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đinh Quốc H và anh Đinh Hữu T về việc hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất lập ngày 30/4/2019.

Anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D trả lại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.975,1m² tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản trên đất theo biên bản định giá ngày 07/8/2020 cho ông Đinh Quốc H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điều Thị C về việc bồi thường thiệt hại đối với phần đất chở đi và các cây trồng trên đất với số tiền 71.200.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D:

- Buộc ông Đinh Quốc H có nghĩa vụ trả cho anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D số tiền cải tạo đất và cây trồng trên đất như sau:

+ Tiền thuê Kobe cải tạo đất là 25.000.000 đồng;

+ Giá trị cây trồng trên đất gồm: 66 cây dừa, thành tiền là 35.310.000 đồng; 35 cây bưởi da xanh, thành tiền 4.900.000 đồng (theo biên bản định giá ngày 07/8/2020).

Tổng cộng 65.210.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu hai trăm mười nghìn đồng*).

- Buộc ông Đinh Quốc H có nghĩa vụ hoàn trả tiền thuê đất cho anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*);

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T, chị D trả cho ông H số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

- Anh Đinh Hữu T, chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.305.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0004014 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên được hoàn lại 3.005.000 đồng.

- Miễn án phí cho bà Điều Thị C và ông Đinh Quốc H.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn